

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2018/HNGĐ-ST

Ngày 12-9-2018

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn;

2. Bà Nguyễn Hồng Gấm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 355/2018/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Mỹ K, sinh năm 1980; thường trú: Ấp T, xã R, huyện T, tỉnh C; chỗ ở: Số 39 đường T, khu phố T, phường T, thị xã T, tỉnh B. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Đoái Văn M, sinh năm 1972; thường trú: ấp T, thị trấn C, huyện P, tỉnh C; tạm trú: Số 7/11, khu phố N, phường D, thị xã D, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03 tháng 4 năm 2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Mỹ K trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Đoái Văn M tự nguyện tìm hiểu nhau và đăng ký kết hôn vào năm 1999 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 94, quyển số 01/1999 ngày 18/3/1999 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hưng Tây, huyện Phú Xuân, tỉnh Cà Mau.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống tại ấp C, xã N, huyện P, tỉnh C. Từ năm 2003, anh chị chuyển về sinh sống tại ấp T, thị trấn C, huyện P, tỉnh C thì cuộc sống vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Đoái Văn M không lo làm ăn mà hay đánh bài, gây nợ nần. Chị đã nhiều lần tha thứ bỏ qua nhưng anh Đoái Văn M không thay đổi. Năm 2009, anh Đoái Văn M bỏ nhà đến làm ăn sinh sống tại huyện T, tỉnh B và anh chị không còn sống chung với nhau từ đó cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh Đoái Văn M.

- Về con chung: Vợ chồng có con 02 con chung là Đoái Chí N, sinh ngày 18/9/2000 và Đoái Trọng N, sinh ngày 21/10/2003. Hiện 02 con chung đang sống cùng anh Đoái Văn M. Chị đồng ý giao cháu Đoái Trọng N cho anh Đoái Văn M nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Đối với cháu Đoái Chí N sinh ngày 18/9/2000, đến ngày 18/9/2018 đã đủ 18 tuổi nên chị vẫn đồng ý giao cho anh Đoái Văn M nuôi dưỡng nhưng chị không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Đoái Văn M: Quá trình tố tụng, bị đơn anh Đoái Văn M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh M để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 27/7/2018; tham gia phiên tòa vào các ngày 22/8/2018 và 12/9/2018 nhưng anh Đoái Văn M vắng mặt không có lý do. Đồng thời, anh M cũng không có ý kiến, yêu cầu đối với yêu cầu khởi kiện của chị K.

Ngày 02/7/2018, Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân, quá trình chung sống giữa anh Đoái Văn M và chị Trần Mỹ K tại ấp C, xã N, huyện P, tỉnh C và được cung cấp: Anh Đoái Văn M và chị Trần Mỹ K không đăng ký thường trú tại địa phương, nhưng anh M và chị K có sinh sống tại địa phương được vài tháng, năm 2003, anh chị đã bỏ địa phương đi nơi khác sinh sống. Thời gian anh chị sinh sống tại địa phương, chính quyền không nhận được yêu cầu nào giải quyết mâu thuẫn giữa hai anh chị.

Ngày 03/7/2018, Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân, quá trình chung sống giữa anh Đoái Văn M và chị Trần Mỹ K tại ấp T, thị trấn C, huyện P, tỉnh C và được cung cấp: Năm 1999, anh M và chị K có sinh sống tại địa phương nhưng chỉ có anh M đăng ký hộ khẩu thường trú. Trong thời gian sinh sống, gia đình anh chị không mâu thuẫn, cự cãi, chính quyền không nhận được yêu cầu nào giải quyết mâu thuẫn giữa hai anh chị. Năm 2009, anh chị rời khỏi địa phương để đi làm ăn sinh sống ở nơi khác, không biết anh chị đi đâu, làm gì. Kể từ sau khi anh M đi khỏi địa phương, hàng năm đều về lại quê vào dịp giỗ cha mẹ, còn chị K thì không thấy quay trở lại.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng pháp luật về tố tụng dân sự, nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn chị Trần Mỹ K có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải; Bị đơn anh Đoái Văn M đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt hai lần liên tiếp không có lý do chính đáng. Căn cứ các điều 207 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đoái Văn M và chị Trần Mỹ K là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 94/1999 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hưng Tây, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau vào ngày 18 tháng 3 năm 1999 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo nguyên đơn chị K trình bày, vợ chồng chung sống được với nhau đến năm 2009 thì anh M tự ý bỏ lên tỉnh B để làm ăn sinh sống, anh chị cũng ly thân nhau từ đó. Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng tại địa phương, chính quyền địa phương xác định không nhận được thông tin trình báo về mâu thuẫn vợ chồng của anh M, chị K nhưng từ khi anh chị bỏ đi khỏi địa phương sinh sống thì chỉ có anh M trở về thăm nhà, còn chị K không quay lại địa phương. Đồng thời, căn cứ lời khai của chị K cũng thể hiện anh chị đã sống ly thân nhau từ năm 2009. Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng yêu cầu anh M có mặt tại Tòa án để trình bày ý kiến nhằm hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh M không đến và cũng không có ý kiến, yêu cầu gì. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh M và chị K đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cả hai bên đều không muốn hàn gắn. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị K là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Đoái Chí N, sinh ngày 18/9/2000 và Đoái Trọng N, sinh ngày 21/10/2003. Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình quy định: “Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con...”. Hiện tại cháu Đoái Chí N có nguyện vọng được sống tự lập, còn cháu Đoái Trọng N có nguyện vọng được sống cùng cha Đoái Văn M. Xét việc chị Trần Mỹ K đồng ý giao hai con chung cho anh Đoái Văn M trực tiếp nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con Đoái Trọng N mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân gia đình nên Tòa án ghi nhận. Riêng cháu Đoái Chí N đến

ngày 18/9/2018 đủ 18 tuổi nên chị K không cấp dưỡng nuôi con, anh M cũng không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không đặt ra.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không tranh chấp nên Tòa án không giải quyết.

[5] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An về việc giải quyết vụ án.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Mỹ K phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 110 và 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các điều 207, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 và Điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Mỹ K được ly hôn với anh Đoái Văn M.

2. Về con chung:

Chị Trần Mỹ K giao hai con chung tên Đoái Chí N, sinh ngày 18/9/2000 và Đoái Trọng N, sinh ngày 21/10/2003 cho anh Đoái Văn M trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Trần Mỹ K cấp dưỡng nuôi con Đoái Trọng N mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, anh Đoái Văn M phải tạo điều kiện cho chị Trần Mỹ K thăm nom, chăm sóc, giáo dục con, không được quyền cản trở chị Trần Mỹ K thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không có tranh chấp nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Mỹ K chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí ly hôn và 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con,

được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0019211 ngày 10/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Chị Trần Mỹ K còn phải nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã Dĩ An (01);
- CCTHA DS thị xã Dĩ An (01);
- UBND xã Tân Hưng Tây, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (01);
- Đường sự (02);
- Lưu: VT, HS (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Thanh